TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 55/2021/HC-PT
Ngày: 10/3/2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huyền Cường;

Ông Phùng Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 243/2021/TLPT-HC ngày 06 tháng 07 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai". Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 251/2020/HC-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: /2022/QĐ-PT ngày tháng năm 2022 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà Trần Thị Q, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 1 ngõ 24, tổ 46, đường QV, quận G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân N và bà Trịnh Thị A– Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn HK, số 48 P, phường LH, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân quận G, thành phố Hà Nội.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:**

1. Ủy ban nhân dân phường Đ, quận G, thành phố Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Quốc T , sinh năm 1957; địa chỉ: Số 1 ngõ 24, tổ 46, đường QV, quận G, thành phố Hà Nội.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 1 ngõ 24, tổ 46,

đường QV, quận G, thành phố Hà Nội.

4. Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 1 ngõ 24, tổ 46, đường QV, quận G, thành phố Hà Nội.

5. Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 2001; địa chỉ: Số 1 ngõ 24, tổ 46, đường QV, quận G, thành phố Hà Nội.

6. Anh Nguyễn Quốc Đ2, sinh năm 2002; địa chỉ: Số 1 ngõ 24, tổ 46, đường QV, quận G, thành phố Hà Nội.

7. Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 2007; địa chỉ: Số 1 ngõ 24, tổ 46, đường QV, quận G, thành phố Hà Nội.

Người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Trần Thị Q và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Để thực hiện dự án xây dựng vườn hoa, cây xanh, khu vui chơi công cộng tại khu đất trước cổng Trường tiểu học Đ. Ngày 24/01/2014, UBND thành phố Hà Nội ban hành Văn bản số 716/UBND-QHXĐGT về việc chấp thuận nguyên tắc thực hiện đầu tư xây dựng vườn hoa, cây xanh, khu vui chơi công cộng tại khu đất trước cổng Trường tiểu học Đ, phường Đ, quận G. Theo đó ngày 11/7/2014, UBND quận G ban hành Quyết định số 4260/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới TH Tây, tỷ lệ 1/2000 tại khu đất trước cổng trường tiểu học NĐthuộc quy hoạch ký hiệu O16-TT5.

Ngày 02/4/2015, UBND quận G ban hành Quyết định số 1193/QĐ-UBND về việc thu hồi 367,6m^2 đất của bà Trần Thị Q uyền đang sử dụng tại khu đất trước cổng trường tiểu học NĐđể thực hiện dự án, cùng ngày UBND quận G ban hành Quyết định số 1198/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ & tái định cư. Theo phương án thì bà Trần Thị Q được bồi thường, hỗ trợ về đất: 367,6m^2 x 252.000đ/m^2 = 92.635.200 đồng. Hỗ trợ tài sản trên đất xây dựng không hợp pháp là 10% mức bồi thường theo quy định. Tổng tiền được hỗ trợ: 37.878.479 đồng. Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 131.616.479 đồng. Không đồng ý quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ & tái định cư, ngày 02/8/2016, bà Trần Thị Q nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND quận G về việc thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND quận G về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ & tái định cư;

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 23/6/2020 bà Trần Thị Q có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu được xác định lại loại đất và lập lại phương án bồi

thường theo giá đất với vị trí không được thấp hơn mức giá tối thiểu quy định tại Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 07/4/2016 của UBND thành phố Hà Nội là 33.634.000 đồng/m^2.

Yêu cầu UBND quận G trả tiền lãi của khoản tiền bồi thường về đất chưa được thanh toán với lãi suất 9%/năm tính từ ngày có quyết định thu hồi đất đến ngày xét xử vụ án.

Ngày 21/7/2020, bà Trần Thị Q có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với Quyêt định số 1193/QĐ-UBND về việc thu hồi đất.

Ý kiến của UBND quận G:

Việc UBND quận G ban hành Quyết định thu hồi đất số 1193/QĐ-UBND; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1198/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 đối với bà Trần Thị Q theo đúng trình tự thủ tục, chính sách quy định.

Quá trình thực hiện dự án, các hộ gia đình đã có đơn thư kiến nghị với các nội dung chủ yếu:

- Đề nghị được bồi thường về đất theo đơn giá đất ở, vì đất của các hộ đã được cấp Giấy chứng nhận.

- Đề nghị hoàn trả số tiền các hộ đã nộp vào ngân sách nhà nước khi thực hiện nghĩa vụ tài chính để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phải được tính lãi suất từ thời điểm nộp tiền cho đến nay.

Để đảm bảo quyền lợi cho các trường hợp thuộc chỉ giới GPMB thực hiện dự án, UBND quận đã có các văn bản báo cáo xin ý kiến UBND thành phố, các sở ban ngành.

Ngày 27/4/2016, Văn phòng UBND thành phố Hà Nội đã có công văn số 3253/VP-ĐT giao Sở Tài nguyên & Môi trường cập nhật nội dung báo cáo của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố tại Văn bản 250/BCĐ-NV1 ngày 12/4/2016, trên cơ sở ý kiến hướng dẫn của Tổng cục quản lý đất đai - Bộ Tài nguyên & Môi tường tổng hợp đề xuất báo cáo UBND thành phố xem xét theo quy định.

Ngày 19/5/2016, Tổng cục quản lý đất đai - Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Văn bản số 729/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn giải quyết bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Ngày 08/11/2016, UBND quận G có Văn bản số 1130/UBND-TNMT gửi Sở Tài nguyên & Môi trường về việc đề xuất chính sách bồi thường, hỗ trợ khác về đất đối với 05 trường hợp bị thu hồi đất thuộc dự án. Theo đó đề xuất: Hỗ trợ bằng 45% đơn giá đất thương mại dịch vụ theo giá đất tại Bảng giá đất do UBND thành phố ban hành, diện tích đất được hỗ trợ theo diện tích đất thực tế

bị thu hồi.

Cho đến nay Sở Tài nguyên và Môi trường đang xem xét, báo cáo đề xuất UBND thành phố giải quyết.

Ý kiến của UBND phường Đ:

Về nguồn gốc đất: Khu đất 1.263,5m^2 trước cổng Trường tiểu học Đ, tổ 49, phường NĐlà đất nông nghiệp do UBND thị trấn NĐ(nay là UBND phường Đ) quản lý giao khoán cho các hộ xã viên Hợp tác xã canh tác. Năm 2003 ông K tự chuyển nhượng diện tích đất nông nghiệp cho 05 hộ gia đình các ông bà: Nguyễn Thị L 300m^2, Trần Thị Q 351m^2, Nguyễn Thị H 205m^2, Nguyễn Thị Thanh T2 207m^2, Trần Thị N và Nguyễn Văn T3 200m^2.

Theo Bản đồ năm 1994 và sổ kiểm kê đất đai hiện trạng năm 1995 đang lưu giữ tại UBND phường thuộc tờ bản đồ số 13/ Thửa 28, 29, 30, 31, 32, 45 / loại đất: lúa ruộng / chủ sử dụng: Hợp tác xã.

Ngày 13/7/2009, UBND quận G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Q với diện tích 351,5m^2.

Khoảng tháng 12/2011, gia đình bà Trần Thị Q phát sinh việc xây dựng công trình mới trên khu đất nhà cấp 4, kết cấu tường gạch 220m, cao 3,5m, mái tôn, khung sắt. Các hộ gia đình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhà đất ở nơi khác, không có hộ nào có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại khu đất tổ 49 phường Đ.

Về nghĩa vụ tài chính: Bà Trần Thị Q nộp 4.216.699.000 đồng.

Thực hiện Văn bản số 4244/UBND-TNMT ngày 13/6/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc chỉ đạo xử lý sau thanh tra việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất của 05 hộ gia đình cá nhân tại khu vực trước Trường tiểu học Đ, tổ 49, phường Đ, quận G; Kết luận Thanh tra số 1018/KL-TTTP(P4) ngày 03/5/2013 của Thanh tra thành phố Hà Nội về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của một số hộ gia đình, cá nhân tại khu vực trước cổng Trường tiểu học Đ. Ngày 01/02/2013, UBND quận G có Quyết định số 744/QĐ-UBND về việc thu hồi 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp theo Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 13/7/2009 của UBND quận G trong đó có trường hợp của bà Trần Thị Q.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác: Ông Nguyễn Quốc T là chồng bà Q và các con bà Q nhất trí ý kiến của bà Trần Thị Q.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 251/2020/HC-ST ngày 28/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32, Điều 204; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; Luật Tổ chức HĐND và UBND; Điều 11, điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai; Điều 25 Nghị định

47/2014/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 2 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện hành chính của bà Trần Thị Q.

- Hủy phần Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 02/04/2015 của UBND quận G về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng vườn hoa, cây xanh, khu vui chơi công cộng tại khu đất trước cổng Trường tiểu học Đ, phường Đ, quận G.

- Buộc UBND quận G phải thực hiện phê duyệt lại Phương án hỗ trợ về đất đối với bà Trần Thị Q theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/10/2020, người khởi kiện bà Trần Thị Q có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm về nội dung xác định loại đất đối với diện tích đất thu hồi là đất ở và phê duyệt lại phương án chính sách bồi thường theo giá đất ở; đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo như đã trình bày trong đơn kháng cáo và cho rằng cần xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ về đất là 147.060.000đ/m², đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Người bị kiện tại cấp phúc thẩm vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng pháp luật tố tụng hành chính. Người bị kiện được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt; mặt khác đại diện của người khởi kiện đề nghị hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Kiểm sát viên nêu lại toàn bộ diễn biến quá trình khiếu nại, khởi kiện của bà Trần Thị Q và việc giải quyết khiếu nại của chính quyền các cấp, quá trình giải quyết vụ án và kết luận: đơn kháng cáo của bà Trần Thị Q nằm trong thời hạn luật định. Căn cứ Kết luận thanh tra số 3535/KL-UBND ngày 21/8/2012 của UBND quận G ngày 01/02/2013 UBND quận G ban hành Quyết định số 744/QĐ-UBND về việc thu hồi 04 GCNQSD đất; Dừng tiếp nhận giải quyết các thủ tục giao dịch 01 GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được cấp cho các hộ gia đình trong đó có hộ bà Trần Thị Q. Bà Q đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hủy Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 của UBND quận G về việc thu hồi GCNQSD đất. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HCST ngày 13/8/2014 của Tòa án nhân dân quận G và Bản án hành chính phúc thẩm số 65/HCPT ngày 16/10/2015 của

TAND thành phố Hà Nội đều bác yêu cầu khởi kiện của bà Q. Như vậy căn cứ vào các tài liệu trên có đủ cơ sở xác định nguồn gốc diện tích 367,6m^2 mà bà Q sử dụng là đất nông nghiệp.

Bản án số 251/2020/HCST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q, hủy một phần Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND quận G đồng thời xác định diện tích đất mà bà Q bị thu hồi là đất nông nghiệp là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Q. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[1] **Về tố tụng**:

Đối tượng khởi kiện trong vụ án là Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của UBND quận G về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt những người này vẫn đảm bảo đúng quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] **Xét kháng cáo của người khởi kiện:**

Về thẩm quyền và trình tự, thủ tục mà người bị kiện ban hành các quyết định số 1198/QĐ-UBND bị khiếu kiện, các đương sự không tranh chấp.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện khu đất 1.263,5m^2 trước cổng Trường tiểu học Đ, tổ 49 phường NĐ có nguồn gốc là đất nông nghiệp; loại đất: Lúa, ruộng. Trước năm 1993, HTX nông nghiệp AP được giao quản lý quỹ đất nông nghiệp này. Đến năm 1993, toàn bộ diện tích đất trên giao cho UBND thị trấn NĐquản lý. Ngày 20/5/1993, UBND thị trấn NĐ lập sổ thuế nông nghiệp gia đình giao 1.668m^2 đất cho 03 hộ gia đình xã viên HTX gồm: Ông K sử dụng 720m^2, ông Nguyễn Văn H2 sử dụng 540m^2, ông Nguyễn Văn Đ sử dụng 408m^2. Hiện ông K, ông H2, ông Đ đã chết. Tại các sổ thuế đất nông nghiệp của 03 hộ gia đình chỉ ghi diện tích đất được giao, địa điểm khu vực xứ đồng CL, không ghi số tờ, số thửa đất mà các hộ được giao khoán nên không xác định được ranh giới, vị trí đất được giao khoán của từng hộ trên Bản đồ năm 1994. Hồ sơ địa chính 1994 thể hiện chủ sử dụng khu đất CL là Hợp tác xã AP.

Năm 2003, ông K tự ý chuyển nhượng 1.263m^2 đất nông nghiệp cho 05 hộ gia đình các ông bà: Nguyễn Thị L 300m^2, Trần Thị Q 351m^2, Nguyễn Thị H 205m^2, Nguyễn Thị T2 207m^2, Trần Thị N và Nguyễn Văn T3 200m^2. Giấy tờ chuyển nhượng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, không có bản vẽ sơ họa hình thể thửa đất. Diện tích chuyển nhượng tăng 543m^2 so với diện tích được giao khoán. Ông K chết năm 2008, con trai ông K cho biết diện tích tăng thêm là do gia đình khai hoang là lấn ra phần đất trống của Viện khoa học, lấn mương bên cạnh thửa đất. Quá trình sử dụng đất, năm 2004 các hộ gia đình đã nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trước thời điểm thu hồi đất). Năm 2009, UBND quận G đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 05 hộ gia đình trên trong đó có hộ gia đình bà Trần Thị Q được cấp với diện tích 351,5m^2. Năm 2010, các hộ gia đình đã nộp tiền sử dụng đất tổng cộng là 14.397.982.000 đồng (trong đó bà Trần Thị Q nộp 4.216.699.000 đồng). Tuy nhiên, ngày 01/02/2013, UBND quận G đã ban hành Quyết định số 744/QĐ-UBND về việc thu hồi 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Dừng tiếp nhận giải quyết các thủ tục giao dịch 01 GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được cấp cho các hộ gia đình trong đó có giấy chứng nhận của bà Trần Thị Q. Lý do thu hồi thực hiện Kết luận Thanh tra số 3535/KL-UBND ngày 21/8/2012 của UBND quận G kết luận việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng trình tự thủ tục, không đúng nguồn gốc đất. Bà Q đã khởi kiện và tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HCST ngày 13/8/2014 của Tòa án nhân dân quận G và Bn án hành chính phúc thẩm số 65/HCPT ngày 16/10/2015 của TAND thành phố Hà Nội đều bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 01/02/2013 của UBND quận G về việc thu hồi GCNQSD đất của bà Q.

Ngày 01/02/2005, UBND thành phố Hà Nội có Quyết định số 13/2005/QĐ-UBND phê duyệt chi tiết Khu đô thị mới TH tỉ lệ 1/2000. Theo quy hoạch này thì vị trí khu đất 1.263,5m^2 trước cổng Trường tiểu học Đ, tổ 49 nằm trong khu vực ký hiệu: đất ở thấp tầng nhà vườn, biệt thự thuộc ô quy hoạch có ký hiệu O16-TT5. Theo Quyết định số 13/2005/QĐ-UBND ngày 01/2/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới TH Tây tỷ lệ 1/2000 thì khu đất này được xác định là đất trống xen kẽ do chính quyền địa phương quản lý. Cũng tại Quyết định này có nêu khi sử dụng diện tích đất 1263,5m^2 cần có dự án đầu tư và lập quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500. Hồ sơ lưu trữ tại Sở Quy hoạch kiến trúc không có hồ sơ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đối với khu đất này. Như vậy, thấy rằng diện tích đất của bà Trần Thị Q bị thu hồi 367,6m^2 để thực hiện dự án có nguồn gốc là đất nông nghiệp không còn khả năng canh tác, không tiếp tục sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp và xen kẽ giữa khu dân cư. Đến năm 2005, đã có quy hoạch của thành phố đối với khu đất này là "đất ở thấp tầng, nhà vườn biệt thự" tỷ lệ 1/2000. Năm 2009, Ủy ban nhân dân quận G đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất cho bà Q nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, sau đó bị thu hồi. Ngày 11/7/2014, UBND quận G có Quyết định số 4260/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới TH Tây, tỉ lệ 1/2000 tại khu đất trước cổng Trường tiểu học Đ, phường Đ, quận G thuộc ô quy hoạch ký hiệu O16-TT5 (phần quy hoạch sử dụng đất) như sau: Điều chỉnh từ chức năng sử dụng đất "nhà ở thấp tầng" sang chức năng sử dụng đất "công viên cây xanh". Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc: diện tích đất nghiên cứu 1.360,2m^2 (trong đó diện tích đất để mở đường quy hoạch 360m^2; diện tích đất xây dựng vườn hoa cây xanh, khu vui chơi công cộng 946,2m^2).

Về việc bồi thường đối với tài sản trên đất phía người khởi kiện không thắc mắc về số lượng tài sản kiểm đếm, về phần bồi thường tài sản trên đất, chỉ yêu cầu được xem xét giá đất để tính bồi thường. Trong vụ này, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho bà Q không đúng quy định của pháp luật là do lỗi của cơ quan Nhà nước. Mặt khác, sau khi bà Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khoảng gần 10 năm thì Ủy ban nhân dân quận G mới có sự điều chỉnh quy hoạch về mục đích sử dụng đất. Do vậy, Ủy ban nhân dân quận G phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với hộ bà Trần Thị Q là đúng thẩm quyền, đúng mục đích và đảm bảo về trình tự, thủ tục nhưng không đúng về căn cứ áp dụng chính sách hỗ trợ về đất, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà Trần Thị Q. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Q để hủy phần quyết định hành chính bị khiếu kiện số 1198/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 và buộc UBND quận G phải xem xét, phê duyệt lại chính sách hỗ trợ về đất khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện cũng đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm "buộc UBND quận G phải thực hiện phê duyệt lại Phương án hỗ trợ về đất đối với bà Trần Thị Q theo đúng quy định của pháp luật". Đối với yêu cầu cần xác định giá đất cụ thể để làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ về đất là 147.060.000đ/m^2 là không thuộc thẩm quyền của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cơ quan có thẩm quyền cần áp dụng quy định của Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và các quy định đặc thù của thủ đô Hà Nội để xem xét, quyết định về hỗ trợ khác cho hộ bà Q.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Từ các lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] **Về án phí:** Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 251/2020/HC-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Trần Thị Q phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận bà Q đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai số 0020482 ngày 22/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Điều Văn Hằng